

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2024/DS-ST

Ngày 30/9/2024

“V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bích Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Lưu Trung Dũng;
- Ông Nguyễn Văn Thám.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST-DS ngày 23/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Ngọc P, sinh năm 1956; nơi thường trú: Thôn T, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

- Bị đơn: Bà Phan Thị Thanh L, sinh năm 1975; nơi thường trú: Thôn T, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn ông Bùi Ngọc P trình bày: Ngày 02/02/2020 âm lịch tức ngày 24/02/2020 tôi cho bà Phan Thị Thanh L vay 25.000.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn vay, lãi suất 1.250.000 đồng/tháng, bà L đã trả lãi được 05 tháng thì không trả nữa. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L phải trả cho tôi tiền gốc còn nợ là 25.000.000 đồng, tôi không yêu cầu bà L phải trả lãi.

2. Lời khai có tại hồ sơ của bị đơn bà Phan Thị Thanh L thể hiện: Từ năm 2019 bà L có vay của ông P 20.000.000 đồng, tiền lãi thỏa thuận 1.000.000 đồng/tháng. Bà L trả lãi không đầy đủ, đến ngày 02/02/2020 âm lịch thì tiền nợ lãi là 5.000.000 đồng nên ông P đã cộng cả gốc và lãi yêu cầu bà L viết giấy có nội dung mượn của ông P 25.000.000 đồng. Từ năm 2020 thì tiền lãi thỏa thuận là 1.250.000 đồng/tháng, bà L đã trả lãi cho ông P từ năm 2019 cho đến năm 2022 với tổng cộng là 51.300.000 đồng và 01 chỉ vàng trị giá 3.400.000 đồng. Bà L xin được không trả lãi và trả dần tiền gốc còn nợ.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Bùi Ngọc P yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn bà Phan Thị Thanh L; nơi thường trú tại thôn T, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai, phải trả tiền còn nợ từ hợp đồng vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn bà Phan Thị Thanh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà L.

[3] Theo nội dung “Giấy mượn tiền” và lời trình bày của các bên xác định đây là hợp đồng vay không có thời hạn và có lãi. Nguyên đơn đã đòi nhưng bị đơn không trả nên nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 466, khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự.

[4] Về số tiền gốc còn nợ và trách nhiệm trả nợ: Bị đơn cho rằng giấy có nội dung mượn tiền ghi đã mượn 25.000.000 đồng nhưng thực tế tiền gốc là 20.000.000 đồng còn 5.000.000 đồng là tiền lãi và bị đơn đã trả lãi cho nguyên đơn số tiền 1.250.000 đồng từ năm 2019 cho đến năm 2022 với tổng cộng là 51.300.000 đồng và 01 chỉ vàng trị giá 3.400.000 đồng. Lời trình bày của bị đơn không được nguyên đơn thừa nhận và bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu gì chứng minh. Nguyên đơn thừa nhận các bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng tức 60%/năm và bị đơn đã trả lãi 05 tháng với số tiền 6.250.000đ. Số tiền lãi bị đơn đã trả thấp hơn so với số tiền phải trả theo lãi suất giới hạn (20%/năm) tính từ thời điểm vay cho đến nay, do vậy không có căn cứ trừ tiền lãi vượt quá mức lãi suất giới hạn vào tiền nợ gốc. Do vậy căn cứ giấy viết tay bị đơn đã ghi, xác định số tiền bị đơn còn nợ và buộc phải trả cho nguyên đơn là 25.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là  $25.000.000 \times 5\% = 1.250.000$  đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Phan Thị Thanh L phải trả cho nguyên đơn ông Bùi Ngọc P số tiền còn nợ từ hợp đồng vay là 25.000.000 đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Buộc bị đơn bà Phan Thị Thanh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.250.000 đồng (*một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Nguyên đơn ông Bùi Ngọc P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông P tiền tạm ứng án phí đã nộp là 656.250đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013121 ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 30/9/2024. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX An Khê;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Bích Thảo**